

# TÁC ĐỘNG CỦA FDI ĐỐI VỚI NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA CÔNG NGHIỆP ĐIỆN TỬ VIỆT NAM: NHỮNG BẤT CẬP VÀ GIẢI PHÁP

Đỗ Thị Kim Hoa\*

Ngày nhận: 5/8/2014

Ngày nhận bản sửa: 22/9/2014

Ngày duyệt đăng: 5/10/2014

## Tóm tắt

*Trong thời gian qua, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành công nghiệp điện tử là một trong những yếu tố ảnh hưởng tích cực đến vị thế của công nghiệp điện tử Việt Nam trên thị trường quốc tế. Bài viết tập trung phân tích thực trạng tác động của FDI đối với năng lực cạnh tranh của công nghiệp điện tử Việt Nam, nhưng sẽ đặt trọng tâm nghiên cứu những bất cập của tác động trên đối với công nghiệp điện tử. Một số ảnh hưởng không mong đợi của FDI đến năng lực cạnh tranh của công nghiệp điện tử Việt Nam có thể kể đến là: Tác động lan tỏa của FDI còn hạn chế; Chưa tạo được sự chuyển biến về cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng cao; Chưa tạo được thay đổi đáng kể về năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Bài viết đã phân tích nguyên nhân của những bất cập và đề xuất các giải pháp cơ bản để khắc phục tình trạng trên.*

**Từ khóa:** Công nghiệp điện tử Việt Nam, Đầu tư trực tiếp nước ngoài, Năng lực cạnh tranh ngành kinh tế, Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài.

## 1. Giới thiệu

Công nghiệp điện tử là một trong những ngành đã và đang có những cải thiện đáng kể về năng lực cạnh tranh. Tuy vậy, các doanh nghiệp ngành công nghiệp điện tử vẫn còn bộc lộ nhiều yếu kém về vị thế cạnh tranh. Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được nhiều nghiên cứu coi là một trong các nhân tố quan trọng trong quá trình cải thiện năng lực cạnh tranh của công nghiệp điện tử. Nhưng mức độ tác động của FDI đến năng lực cạnh tranh của công nghiệp điện tử ở các quốc gia rất khác nhau, nên việc nghiên cứu nhằm tăng cường ảnh hưởng tích cực và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực này của FDI là đề tài được quan tâm của giới nghiên cứu, giới kinh doanh và những nhà hoạch định chính sách.

Những năm qua, FDI là nhân tố quan trọng tác động đến sự phát triển ngành công nghiệp điện tử Việt Nam. Việc điểm lại hoạt động thu hút FDI vào công nghiệp điện tử Việt Nam và tác động đối với vị thế cạnh tranh của công nghiệp điện tử trên trường

quốc tế là hữu ích nhằm tìm hiểu những nguyên nhân của những tác động chưa phù hợp với tiềm năng.

Bài viết đề xuất giải pháp chính sách nhằm phát huy tác động tích cực của FDI đến quá trình cải thiện năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp điện tử. Đồng thời, nghiên cứu cũng có thể giúp các doanh nghiệp ngành công nghiệp điện tử có chiến lược kinh doanh nhằm tận dụng những tác động của FDI để cải thiện năng lực cạnh tranh.

## 2. Khái lược về vai trò của FDI đối với phát triển công nghiệp điện tử Việt Nam

Công nghiệp điện tử được xác định là một trong các ngành kinh tế trọng điểm trong chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam. Quá trình sản xuất sản phẩm công nghiệp điện tử được phân chia thành nhiều công đoạn là điều kiện thuận lợi để một nước đang phát triển như Việt Nam có thể tham gia vào những công đoạn phù hợp với trình độ phát triển kinh tế.

Trước thời kỳ đổi mới và mở cửa kinh tế, đặc biệt là trước năm 1990, sự hình thành và phát triển của công nghiệp điện tử trong cơ chế kế hoạch tập trung. Tất cả các doanh nghiệp ngành công nghiệp điện tử đều thuộc sở hữu nhà nước với trình độ công nghệ lạc hậu, sản phẩm chủ yếu là điện tử dân dụng và đảm nhiệm công đoạn gia công với nguồn nguyên vật liệu, phụ tùng linh kiện chủ yếu từ các nước Đông Âu và Liên Xô.

Từ đầu những năm 1990 đến nay, nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường. Việt Nam thực hiện chủ trương mở cửa nền kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài và đa dạng các thành phần kinh tế trong các lĩnh vực của nền kinh tế. Vì vậy, đây thực sự là giai đoạn phát triển nhanh chóng. Thời kỳ này, sản phẩm công nghiệp điện tử trên thị trường Việt Nam chủ yếu là sản phẩm công nghiệp điện tử được sản xuất trong nước hoặc từ các nước Đông Âu và Liên Xô. Trong lĩnh vực sản xuất, số lượng các nhà sản xuất, kinh doanh không ngừng tăng lên. Thành phần kinh tế tham gia sản xuất đa dạng, ngoài các doanh nghiệp nhà nước, còn có sự xuất hiện của các công ty đa quốc gia và doanh nghiệp tư nhân. Công nghiệp điện tử Việt Nam thời gian này đã sản xuất nhiều loại sản phẩm không những đáp ứng nhu cầu trong nước và cả nhu cầu xuất khẩu.

Hoạt động xuất khẩu hàng điện tử bắt đầu từ năm 1996 và đến nay, hàng điện tử của Việt Nam đã mở rộng xuất khẩu sang hơn 50 quốc gia. Những kết quả phát triển của công nghiệp điện tử đáng ghi nhận, tuy vậy ngành công nghiệp điện tử đang ở mức phát triển rất khiêm tốn cả về quy mô và trình độ.

Chính phủ đã xác định cần thu hút FDI, tạo môi trường hấp dẫn đầu tư để thúc đẩy sự chuyển giao công nghệ, tăng cường liên kết giữa các thành phần kinh tế trong nước với doanh nghiệp FDI.

Ngay từ khi đất nước thống nhất, cả nước bắt tay vào xây dựng kinh tế, Chính phủ đã coi công nghiệp điện tử là một trong các ngành kinh tế mũi nhọn trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ngày 3/10/1975, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 316/TTg về việc thành lập Tiểu ban phát triển công nghiệp điện tử. Năm 1976, trong “phương hướng phát triển công nghiệp Việt Nam”, công nghiệp điện tử là một trong những nội dung được chú trọng. Những năm đầu 1990, Chính phủ đã chủ trương quy hoạch phát triển ngành và mở rộng các thành phần kinh tế tham gia vào ngành công nghiệp điện tử nhằm xây dựng một ngành

công nghiệp điện tử hiện đại, ngang tầm với các nước Đông Nam Á. Chủ trương thu hút đầu tư của các doanh nghiệp xuyên quốc gia và sự hợp tác liên doanh của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài quốc doanh đã tạo nên sự phát triển nhanh của ngành. Một số chương trình của Chính phủ thực hiện nhằm phát triển công nghiệp điện tử, một mặt, tạo những ưu đãi cho FDI vào lĩnh vực này, mặt khác, tạo sức mạnh nội lực của các doanh nghiệp thúc đẩy tác động của khu vực FDI đối với sự phát triển của toàn ngành.

Tổng công ty Điện tử và Tin học Việt Nam (Bộ Công thương) chủ trì và thực hiện dự án phát triển máy thu hình màu (một trong ba sản phẩm trọng điểm của Quyết định 37/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ phát triển các sản phẩm công nghiệp trọng điểm năm 2000) và hỗ trợ phát triển máy tính (theo Quyết định số 19/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ). Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 công nghiệp điện tử được lựa chọn là một trong 3 nhóm ngành công nghiệp lựa chọn ưu tiên phát triển, bên cạnh công nghiệp chế biến chế tạo, Năng lượng mới và năng lượng tái tạo (Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ). Chính sách ưu đãi và khuyến khích xuất khẩu ngành điện tử đã được Nhà nước trong những năm qua đã thu hút nhiều MNCs trên thế giới vào Việt Nam. Chính phủ cũng thực hiện khuyến khích đầu tư ưu đãi từng vùng, bao gồm mức giảm thuế hoặc miễn thuế đối với đầu tư vào các ngành hàng điện tử được khuyến khích và vào các vùng được khuyến khích.

Thực tế FDI đầu tư vào công nghiệp điện tử đã mang lại diện mạo mới cho sự phát triển của ngành, như: bổ sung vốn đầu tư, tác động lan tỏa đối với doanh nghiệp trong nước và nâng cao vị thế cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp điện tử.

### **2.1. Về vốn FDI đầu tư vào công nghiệp điện tử**

Việt Nam đã và đang trở thành điểm thu hút FDI lớn vào ngành công nghiệp điện tử so với các quốc gia trong khu vực. Các nhà sản xuất hàng đầu thế giới về công nghiệp điện tử lần lượt có mặt ở Việt Nam với lượng vốn đầu tư lớn và tạo được mạng lưới doanh nghiệp vệ tinh có năng lực đáp ứng từng bước yêu cầu sản xuất của họ. Năm 1999, có 50 doanh nghiệp có vốn FDI so với 33 doanh nghiệp năm 1995. Tính đến hết năm 2003, lượng FDI đầu tư vào ngành là gần 2 tỉ USD.

Lượng vốn đầu tư tăng hàng năm cho đến năm 2008. Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, lượng vốn FDI đầu tư vào công nghiệp điện tử Việt Nam giảm, nhưng đến năm 2011, 2012 lượng FDI đầu tư bắt đầu tăng nhanh. Giai đoạn 2011-2015, lĩnh vực công nghiệp điện tử được lựa chọn ưu tiên để kêu gọi đầu tư. Thực tế FDI của các MNC lớn đã đầu tư vào lĩnh vực này. Chỉ riêng trong năm 2012 có nhiều dự án đầu tư mới và mở rộng đầu tư vào công nghiệp điện tử. Năm 2012, chỉ tính 10 dự án đầu tư và mở rộng đầu tư đã lên tới 4.652 triệu USD của các nhà đầu tư tên tuổi của ngành công nghiệp điện tử như Intel, Samsung, Nokia, TNHH Wintek Việt Nam, Compal, Foxconn, Tập đoàn BSE (Hàn Quốc), Kyocera (Nhật Bản), Fujitsu (Nhật Bản) (Nguyễn Đức, 2012). Năm 2013, chỉ riêng tập đoàn Samsung tại Việt Nam đã đầu tư gần 20 tỷ USD kể cả đầu tư mở rộng sản xuất.

## 2.2. Về sản xuất ngành công nghiệp điện tử

Giai đoạn 1995-2001, giá trị sản xuất các thiết bị điện và điện tử, radio, tivi và thiết bị truyền thông tăng 104%, mức tăng trung bình hàng năm là 19,5%, cao hơn mức tăng trung bình 12,75%/năm trong thời kỳ này của giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, ngành công nghiệp điện tử Việt Nam những năm gần đây đã có tiến bộ đáng kể về tăng trưởng giá trị sản xuất hàng năm. Theo số liệu bảng 1, tốc độ tăng trưởng trung bình mỗi năm trong giai đoạn 2005-2010 của sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 44,77%, nhanh hơn so với chỉ tiêu này của công nghiệp chế biến (42,63%) và

của toàn ngành công nghiệp (39,96%). Giá trị sản phẩm cũng là một trong 10 ngành chiếm tỷ lệ cao trong các loại sản phẩm công nghiệp chế biến và tăng lên trong giai đoạn 2005-2010 (bảng 1).

Mức tăng trung bình năm của giá trị sản xuất các thiết bị điện và điện tử, radio, tivi và thiết bị truyền thông trong thời kỳ 2010-2012 là 49%. Như vậy, mức tăng trung bình hàng năm là 24,5%. Năm 1995, giá trị sản xuất các thiết bị điện và điện tử, radio, tivi và thiết bị truyền thông chiếm 3%, nhưng đến năm 2011 con số này là 3,8%.

*Về sự cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp điện tử:* Năm 1996, Việt Nam lần đầu xuất khẩu sản phẩm điện tử, đến nay sản phẩm công nghiệp điện tử Việt Nam đã có mặt ở hơn 50 quốc gia trong khu vực và thế giới. Từ năm 2005 đến nay, ngành liên tục đứng trong top 10 các ngành có giá trị kim ngạch xuất khẩu cao nhất của Việt Nam. Trong điều kiện kinh tế toàn cầu suy thoái, năm 2011, kim ngạch xuất khẩu của công nghiệp điện tử trở thành ngành có kim ngạch xuất khẩu lớn thứ hai chỉ đứng sau kim ngạch xuất khẩu của ngành dệt may.

Theo Tổng cục Hải quan, sáu tháng đầu năm 2013 tổng giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI đối với hai mặt hàng máy tính, điện thoại và linh kiện lên tới hơn 14,62 tỉ USD. Năm 2013, chỉ riêng Samsung đã đóng góp hơn 20 tỷ USD vào kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng của kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI năm 2011 và 2012 tăng lần lượt là gần 88,7% và 85,6% (bảng 2).

Không thể phủ nhận rằng FDI đầu tư vào công

**Bảng 1: Giá trị sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học**

	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2005 - 2010
Giá trị SX (tỷ VND)	34781,9	41137,1	58039,4	68536,4	85828,7	112649,2	
Tốc độ tăng trưởng (%)	18.27	41.09	18.09	25.23	31.25	18.27	44.77
Tỷ trọng so với SX công nghiệp chế biến (%)	4.25	4.08	4.66	4.23	4.38	4.40	
Tốc độ tăng trưởng của công nghiệp chế biến	23.27	23.48	30.06	21.01	30.72	23.27	42.63
Tốc độ tăng trưởng của công nghiệp	21.30	22.29	29.78	20.75	28.96	21.30	39.96

*Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu của Tổng cục Thống kê.*

*Ghi chú: \* mức tăngtrung bình thời kỳ 2005-2010*

**Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu công nghiệp điện tử (sản phẩm chủ yếu là máy tính, điện thoại và linh kiện)**

	6 tháng 2013 (a)	2012 (b)	2011 (c)	2010 (c)
(1) Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (triệu USD)	4.712	7.882	4.662	3.590
(2) Điện thoại các loại và linh kiện (triệu USD)	9.907	12.644	6.397	2.307
(3) Tổng kim ngạch XK (1) và (2) (triệu USD)	14.619	20.526	11.058	5.897
Tốc độ tăng trưởng của (3) (%)		85.61	87.52	

*Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu của Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải Quan*

*Ghi chú: (a) Tổng cục Hải Quan số liệu xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn FDI; (c) Tổng cục Thống kê; (b) Tổng cục thống kê, ước thực hiện*

ngành điện tử Việt Nam trong thời gian qua đã thúc đẩy công nghiệp điện tử của nước ta phát triển nhanh trên nhiều lĩnh vực. Đó là thúc đẩy sự tăng trưởng phát triển của ngành, nâng cao vị thế cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp điện tử Việt Nam. Tuy nhiên, ảnh hưởng của FDI còn chưa được như sự kỳ vọng.

### **3. Một số bất cập về ảnh hưởng của FDI đến quá trình cải thiện năng lực cạnh tranh của công nghiệp điện tử Việt Nam**

Tác động của FDI đến năng lực cạnh tranh của công nghiệp điện tử trên thực tế có nhiều bất cập. Bài viết chỉ đề cập đến một số bất cập chủ yếu trong quá trình phát huy ảnh hưởng của FDI đến phát triển công nghiệp điện tử. Đó là: Tác động lan tỏa của doanh nghiệp FDI đến các doanh nghiệp nội địa còn hạn chế; FDI ngành công nghiệp điện tử chưa tạo bước thay đổi đáng kể về năng lực cạnh tranh của sản phẩm; FDI chưa tạo được sự chuyển biến cơ bản về cơ cấu sản phẩm công nghiệp điện tử.

#### **3.1. Tác động lan tỏa của doanh nghiệp FDI đến các doanh nghiệp nội địa còn hạn chế**

##### **3.1.1. Về sự chi phối của các doanh nghiệp FDI**

Thực chất sự tăng trưởng và phát triển của công nghiệp điện tử Việt Nam mới chỉ ở khu vực FDI. Mối liên hệ giữa doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp trong nước chưa thật sự tạo ra ảnh hưởng lan tỏa đến sự phát triển của doanh nghiệp trong nước. Điều này được thể hiện trong vị trí nhỏ bé của doanh nghiệp trong nước khi so sánh với doanh nghiệp có vốn FDI ở nhiều phương diện: sản xuất, công nghệ, xuất khẩu, tỷ lệ nội địa hóa của các sản phẩm công nghiệp điện tử...

Trước hết, sản xuất của khu vực kinh tế trong nước tăng với tốc độ chậm, riêng các ngành sản xuất tivi, radio, thiết bị truyền thông đang suy giảm. Ngược lại, sản xuất của các doanh nghiệp có vốn FDI tăng nhanh, vượt khu vực kinh tế trong nước cả về tốc độ lẫn giá trị tuyệt đối. Nếu như năm 1995, các doanh nghiệp có vốn FDI chỉ chiếm 35% tổng giá trị sản xuất các thiết bị điện, điện tử, radio, tivi và thiết bị truyền thông, năm 2002 là 72,4%, thì đến năm 2012 con số này là hơn 90%. Giá trị hàng điện tử tăng lên chủ yếu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Các doanh nghiệp trong nước không đủ tiềm lực về vốn và công nghệ để mở rộng sản xuất, còn các công ty nước ngoài thì đến đầu tư tập trung vào mục tiêu tiếp cận thị trường rộng lớn với giá lao động rẻ.

Liên hiệp các xí nghiệp điện tử những năm 1980 – 1982 (Vietronics, các xí nghiệp điện tử Biên Hoà, Thủ Đức, Tân Bình, Cửu Long...) là các doanh nghiệp chủ lực trong ngành công nghiệp điện tử. Hiện nay, chỉ còn một số thành viên của Vietronics còn hoạt động nhưng vị trí và vai trò nhỏ bé trong ngành công nghiệp điện tử và yếu thế trong cạnh tranh với các doanh nghiệp FDI trên cả các mặt công nghệ và sản phẩm. Những năm đầu của thế kỷ 21, các doanh nghiệp tư nhân trong nước tập trung đầu tư những dây chuyền sản xuất (thực chất là lắp ráp) để sản xuất máy tính (cả máy tính để bàn, máy tính xách tay). Trong thời gian này, FPT, Vitek đã đầu tư hàng chục triệu USD vào sản xuất máy tính có thương hiệu Việt Nam, nhưng đều thất bại trong thời gian ngắn.

##### **3.1.2. Về tỷ lệ nội địa hóa**

Các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa cung cấp



được các chi tiết điện tử đặc thù cho công nghiệp điện tử. Theo khảo sát của JETRO năm 2012, tỷ lệ cung cấp nội địa hóa cho các công ty Nhật tại Việt Nam rất thấp so với tỷ lệ nội địa hóa của các quốc gia láng giềng như Trung Quốc và Thái Lan. Các doanh nghiệp FDI vẫn không thể tìm được nhà cung ứng Việt Nam cho các linh phụ kiện sử dụng công nghệ cao và có giá trị gia tăng cao (linh kiện điện tử, khuôn mẫu, các hoạt động gia công kim khí như định hình, cán, mạ...).

Theo Tổ chức hợp tác và Phát triển nước ngoài Nhật Bản (JODC), kết quả cuộc điều tra năm 2005 với mẫu điều tra là 23 doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam, thì chỉ khoảng 8,7% số doanh nghiệp trên tiếp nhận từ 50%-60% linh kiện từ các nhà cung ứng Việt Nam và 91,3% số doanh nghiệp được điều tra tiếp nhận dưới 35% linh kiện từ nhà cung ứng Việt Nam.

Cũng theo kết quả của điều tra trên, khoảng 50% số doanh nghiệp được điều tra cho rằng linh kiện từ các nhà cung ứng Việt Nam không đảm bảo chất lượng. Còn lại 50% doanh nghiệp được điều tra cho rằng không thể tìm được nhà cung ứng linh kiện Việt Nam. Số tìm được linh kiện từ nhà cung ứng Việt Nam thì cho rằng giá cả cao hơn so với các nhà cung ứng trên thị trường quốc tế.

Hiện nay, các nhà đầu tư chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng linh kiện cho sản xuất công nghiệp điện tử ở Việt Nam là Nhật Bản, tiếp theo là các doanh nghiệp Đài Loan, cuối cùng mới là các doanh nghiệp Việt Nam. Thực tế công nghiệp phụ trợ Việt Nam chủ yếu không có chiến lược kinh doanh theo hướng chuyên môn hóa và hợp tác sâu rộng với các doanh nghiệp FDI và với các đối tác quốc tế. Thái Lan có khoảng 1.800 doanh nghiệp chuyên cung cấp các sản phẩm, công nghiệp phụ trợ cho khoảng 50 - 60 doanh nghiệp lắp ráp hàng điện - điện tử. Trong khi đó, nước ta chỉ có khoảng 100 doanh nghiệp cung cấp linh kiện, sản phẩm phụ trợ cho khoảng 50 - 60 doanh nghiệp lắp ráp, nhưng lại chủ yếu là nhập khẩu hoặc là không độc lập về quy trình sản xuất kinh doanh. Gần đây, Samsung mong muốn các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác cung cấp 170 sản phẩm cho tập đoàn. Tuy vậy, các doanh nghiệp Việt Nam mới chỉ cung cấp các loại mặt hàng có giá trị gia tăng thấp như sản phẩm in ấn, bao bì.

Trong hoạt động xuất khẩu của ngành công nghiệp điện tử Việt Nam, ưu thế tuyệt đối cũng thuộc về các doanh nghiệp FDI. Theo ông Lê Ngọc Sơn (Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp điện tử Việt

Nam-VEIA), tính đến nửa đầu năm 2012, các doanh nghiệp có vốn FDI chiếm 80% thị trường trong nước và 95% kim ngạch xuất khẩu của ngành công nghiệp điện tử Việt Nam đối với sản phẩm chủ yếu là hàng điện tử dân dụng (linh kiện điện tử, máy in, điện thoại di động, chip điện tử). Tám tháng đầu năm 2011, khu vực có vốn FDI trong ngành công nghiệp điện tử chiếm ưu thế, chiếm tỷ trọng hơn 70% doanh thu nội địa và gần 90% kim ngạch xuất khẩu. Năm 2010, khu vực có vốn FDI chiếm 97,22% kim ngạch xuất khẩu của ngành công nghiệp điện tử.

### **3.2. FDI ngành công nghiệp điện tử chưa tạo bước thay đổi đáng kể về năng lực cạnh tranh của sản phẩm**

Ảnh hưởng của FDI đến năng lực công nghiệp điện tử trong cạnh tranh thị trường quốc tế ở mức độ khiêm tốn được thể hiện trên các khía cạnh như: chủng loại hàng xuất khẩu chưa đa dạng và chưa thâm nhập được các thị trường kinh tế phát triển, tỷ trọng hàng xuất khẩu có hàm lượng công nghệ cao và giá trị gia tăng còn rất thấp, kim ngạch xuất khẩu công nghiệp điện tử so với một số nước trong khu vực còn nhỏ bé.

Theo CIEM, mặt hàng điện tử xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu gồm máy in, linh kiện điện tử như bo mạch, ram máy tính, linh phụ kiện máy in... Kim ngạch xuất khẩu tăng nhưng năng lực cạnh tranh lại rất thấp, giá trị gia tăng trong sản phẩm chiếm chưa đến 17%, thể hiện ở hoạt động gia công và lắp ráp. Phần lớn một số loại sản phẩm điện tử yêu cầu về chất lượng công nghệ cao được lắp ráp tại Việt Nam phải nhập khẩu gần 100% linh kiện. Phần lớn các linh kiện sản xuất tại Việt Nam chỉ là sản phẩm có giá trị gia tăng thấp và không có vị trí quan trọng trong chuỗi sản xuất toàn cầu như: vỏ carton, xốp chèn, vỏ nhựa, sách hướng dẫn... (Trần Thủy, 2011).

Theo số liệu 6 tháng đầu năm 2013 của Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI về máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là 14.619 triệu USD nhưng chính các doanh nghiệp đó lại nhập khẩu 7.838 triệu USD về máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện. Điều này chứng tỏ các doanh nghiệp FDI không tạo được sản phẩm có tính cạnh tranh trên thị trường, chỉ dừng lại ở công đoạn gia công lắp ráp và mục tiêu lại là thị trường nội địa.

So với các nước trong khu vực, vị trí của công nghiệp điện tử Việt Nam còn nhỏ bé. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước nhưng

**Bảng 3: Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu công nghiệp điện tử Việt Nam so với một số nước trong khu vực năm 2007**

Sản phẩm ngành công nghiệp điện tử	Việt Nam	Singapore	Malaysia	Thái Lan	Philippines	Tổng
Kim ngạch xuất khẩu (tỉ USD)	2	71	62	43	37	215
Tỷ trọng so với tổng (%)	0,94	33,03	28,85	20	17,21	100

*Nguồn: Nguyễn Hải (2011)*

vô cùng nhỏ bé so với một số nước ASEAN. Ví dụ năm 2007, Singapore xuất khẩu chiếm 33,05% so với tổng kim ngạch xuất khẩu ngành của 6 quốc gia (Việt Nam, Singapore, Malaysia, Thái Lan, Philippines, nhưng Việt Nam chỉ chiếm 0,94%.

Về thị trường xuất khẩu, theo Tổng cục Hải quan, năm 1996, linh kiện điện tử được xuất khẩu sang 28 nước, đến năm 1999 đã tăng lên 41 nước. Đối với linh kiện điện tử, năm 1996 xuất sang 12 nước và tăng lên 38 nước trong năm 1999. Tuy nhiên, tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghiệp điện tử sang các nước có đòi hỏi cao về chất lượng còn thấp. Kim ngạch xuất khẩu sang các nước thuộc EU trong các năm 1996, 1999 lần lượt là 1,88% và 12,94%. Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu năm 1996 sang các nước ASEAN, các nước châu Á ngoài ASEAN và các nước khác lần lượt là: 93,7%; 41,6%; 0,26% và con số này trong năm 1999 là: 46,41; 23%; và 17,55%. Cho đến nay, tình hình vẫn chưa có thay đổi nhiều, số liệu của Tổng cục Hải quan cho thấy 6 tháng đầu năm 2013 kim ngạch xuất khẩu sản phẩm công nghiệp điện tử sang các nước ASEAN khoảng gần 50% kim ngạch xuất khẩu của ngành (Tổng cục Hải quan).

Ngành công nghiệp điện tử đã được xác định là ngành công nghiệp mũi nhọn với mục tiêu là ngành kinh tế quan trọng góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, nhưng kết quả cho thấy ngành này hoàn toàn phụ thuộc vào doanh nghiệp có vốn FDI, còn doanh nghiệp trong nước có vị thế cạnh tranh yếu kém.

### **3.3. FDI chưa tạo được sự chuyển biến cơ bản về cơ cấu sản phẩm công nghiệp điện tử**

Trong thời gian qua, công nghiệp điện tử vẫn ở hiện trạng cơ cấu sản phẩm chưa hợp lý, chưa tham gia vào các sản phẩm có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao.

Quá trình sản xuất các thiết bị điện tử, nhiều công ty ở các quốc gia khác nhau tham gia vào mạng lưới sản xuất toàn cầu. Mỗi công ty trong mạng lưới tạo ra giá trị gia tăng riêng của mình. Sản phẩm công

nghiệp điện tử được chia thành 3 nhóm: điện tử dân dụng, điện tử chuyên dùng và linh kiện điện tử. Các nước có công nghiệp điện tử phát triển tập trung sản xuất sản phẩm chuyên dùng và linh kiện điện tử chủ chốt.

Từ thời kỳ đầu tiên, đầu tư của FDI vào công nghiệp điện tử ở Việt Nam tập trung sản xuất dòng điện tử dân dụng. Vì nhiều lý do khác nhau, kể cả linh kiện của dòng điện tử này cũng không được đầu tư. Trước những năm 1990, khi chưa có sự đầu tư của các công ty đa quốc gia, công nghiệp điện tử chỉ sản xuất một số sản phẩm điện tử dân dụng với trình độ công nghệ trung bình. Cơ cấu sản phẩm đã thay đổi khi Việt Nam thu hút FDI vào công nghiệp điện tử. Các doanh nghiệp FDI đã đảm nhận sản xuất một số sản phẩm thuộc điện tử chuyên dụng và linh kiện điện tử có hàm lượng chất xám cao hơn.

Đối với dòng điện tử dân dụng, phải đến năm 1996 chúng ta mới có những sản phẩm chủ yếu như: máy thu hình (tivi), máy thu thanh (radio), máy tính và linh kiện điện tử và linh kiện vi tính. Sản xuất linh kiện công nghiệp điện tử phần lớn là do các doanh nghiệp FDI thực hiện. Năm 1996, một số sản phẩm chính là mạch in, đèn hình TV, đế mạch in, tụ điện các loại, cuộn cao áp, cuộn cảm, cuộn lái tia, các chi tiết nhựa, chi tiết cơ khí cho lắp ráp đèn hình, các loại ăng-ten. Sản phẩm phụ tùng linh kiện tăng từ 30-45% giai đoạn 1995-2000 (Trần Thị Thanh Thủy, 2007).

Đầu tư vào lĩnh vực linh kiện điện tử tăng nhanh. Năm 1999 đầu tư vào lĩnh vực này chiếm 11,5%, đến 2013 con số này là 15,4% (bảng 4).

Công nghệ và trang thiết bị sản xuất lạc hậu từ 10 - 15 năm so với khu vực và thế giới. doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu lắp ráp sản phẩm trên các dây chuyền có từ thập niên 1990. Năm 2006, nếu so sánh với các nước ASEAN 5 (gồm Thái Lan, Singapore, Malaysia, Indonesia và Philippines), ngành công nghiệp điện tử Việt Nam mới đang ở cuối giai đoạn 1 (lắp ráp sản phẩm từ phụ kiện nhập khẩu), đầu giai đoạn đầu tư sản xuất linh kiện phụ tùng

**Bảng 4: Cơ cấu đầu tư ngành công nghiệp điện tử năm 1999, 2013 (%)**

Năm	Điện tử dân dụng	Điện tử chuyên dụng	Linh kiện điện tử
2013*	63,4	21,2	15,4
1999	67	21,5	11,5

*Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu của Tổng cục Thống kê và Tổng công ty Điện tử tin học Việt Nam*

phát triển công nghiệp phụ trợ. Trong khi đó, các nước ASEAN 5 đang phát triển ở giai đoạn 3 (nghiên cứu thiết kế sản phẩm, đầu tư công nghệ cao, đẩy mạnh xuất khẩu).

Trình độ công nghệ thấp, nên sản xuất công nghiệp điện tử ở Việt Nam được cho là chỉ ở những công đoạn gia trị gia tăng thấp, như giai đoạn lắp ráp. Trường hợp Samsung Việt Nam có khoảng vài chục doanh nghiệp trong nước nhưng phần lớn chỉ tham gia vào những dịch vụ đơn giản như cung cấp bao bì, nhãn mác... Phần quan trọng của một sản phẩm điện thoại di động, Samsung phải nhập khẩu (theo ông Nguyễn Văn Đạo, phó tổng giám đốc Samsung Việt Nam -Savina).

Hơn nữa, sản phẩm sản xuất ở Việt Nam trong nhiều trường hợp không cạnh tranh được ngay ở trong thị trường trong nước, được thể hiện ở số liệu nhập khẩu hàng hóa, linh kiện công nghiệp điện tử ở Việt Nam luôn có số lượng lớn hơn nhiều so với nhập khẩu hàng hóa công nghiệp điện tử.

#### **4. Một số nguyên nhân chủ yếu của những bất cập**

##### **4.1. Chiến lược, quy hoạch phát triển công nghiệp điện tử chưa phù hợp**

Chiến lược phát triển công nghiệp chưa phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế là một trong các nguyên nhân chính hạn chế tác động tích cực của FDI nhằm phát triển công nghiệp nói chung và công nghiệp điện tử nói riêng. Chính sách bước đầu cho công nghiệp điện tử là tập trung một số công đoạn sản xuất, những sản phẩm phù hợp với năng lực của doanh nghiệp trong nước. Nhưng thời gian qua, chính sách và hoạch định lại nóng vội mong muốn công nghiệp điện tử nước nhà tham gia nhiều công đoạn, muốn sản xuất tất cả các chủng loại sản phẩm công nghiệp điện tử. Nguồn lực có hạn, và năng lực trình độ ở mức điềm xuất phát, nên định hướng cho công nghiệp điện tử tham gia những công đoạn sản xuất và sản phẩm không phù hợp đã không mang lại kết quả, quy hoạch công nghiệp điện tử đã thất bại,

công nghiệp điện tử vẫn là dừng lại ở công đoạn lắp ráp.

##### **4.2. Chính sách ưu đãi không đạt được mục tiêu phát triển bền vững công nghiệp điện tử**

Chính sách thu hút FDI vào công nghiệp điện tử chưa đạt được mục đích thúc đẩy FDI đầu tư vào nhiều sản phẩm chủ lực có hàm lượng công nghệ cao, tạo mối liên kết với doanh nghiệp trong nước. Thực tế các doanh nghiệp FDI đầu tư vào công nghiệp điện tử với mục đích thâm nhập vào thị trường để hưởng các ưu đãi về thuế và nhân công giá rẻ. Bốn nhà đầu tư nước ngoài lớn ở Việt Nam như: điện tử JVC, Toshiba, Panasonic và Sony đã đầu tư 60 triệu USD cho Tổng công ty Điện tử-Tin học Việt Nam (VEIC) chủ yếu là lắp ráp các thiết bị điện tử dân dụng bằng các linh kiện ngoại nhập, chiếm gần 80% giá thành sản phẩm. Vì vậy cho đến nay, khi chúng ta đã gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, xu hướng hội nhập không cho phép Việt Nam bảo hộ ngành sản xuất này bằng các biện pháp thuế quan cũng như phi thuế quan. Vì vậy, một số doanh nghiệp FDI (Sony, Orion-Hanel) đã rời bỏ Việt Nam vì thấy trước là không khai thác được sự ưu đãi về chính sách và trong điều kiện môi trường sản xuất không cạnh tranh như các nước khu vực (Đỗ Thị Kim Hoa, 2005).

##### **4.3. Đào tạo chưa đảm bảo yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực phù hợp với công nghiệp điện tử**

Ngành công nghiệp điện tử nói riêng và ở Việt Nam nói chung được đánh giá là thiếu nhân lực chất lượng cao, kỹ thuật lao động và tác phong chuyên nghiệp chưa phù hợp. Các trường học, trung tâm đào tạo tại Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng. Vấn đề này xuất phát từ việc chưa đảm bảo chất lượng đào tạo và việc đào tạo chưa phù hợp với cầu về nhân lực trên thực tế. Thực tế các cơ sở đào tạo còn thiếu giáo viên giỏi, chưa khảo sát yêu cầu thực tế để thay đổi mục tiêu, kỹ năng cần đào tạo. Đồng thời, cơ sở vật chất kỹ thuật của cơ sở đào tạo quá nghèo nàn. Ngoài ra,



không có cơ chế khuyến khích người tài, và nếu có khuyến khích thì cũng chỉ là hình thức.

Trong tình hình đó, nhiều doanh nghiệp tổ chức tự đào tạo. Việc tự đào tạo của các doanh nghiệp có nhược điểm là thường không đủ kinh phí, thiết bị và kết quả đào tạo của doanh nghiệp chưa thực sự đảm bảo hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vì một số người lao động sau khi được đào tạo vì lợi ích cá nhân ngắn hạn không cam kết cống hiến cho doanh nghiệp nên giảm động lực của các công ty về đào tạo lao động (Trần Thủy, 2011).

#### **4.4. Chưa có chiến lược phát triển công nghiệp phụ trợ**

Sự phát triển công nghiệp phụ trợ đã giúp cho các quốc gia như Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Singapore... phát huy ảnh hưởng tích cực của FDI nhằm phát triển công nghiệp điện tử. Điều kiện của các quốc gia này khi các công ty điện tử Nhật Bản (Sony, JVC, Panasonic...) đầu tư vào cũng giống như họ đầu tư vào Việt Nam. Các nước này đã nhanh chóng hình thành và phát triển ngành công nghiệp phụ trợ để cung cấp linh kiện cho các nhà máy nhà máy lắp ráp của các MNCs trên. Việt Nam chưa chú trọng đầu tư công nghiệp phụ trợ đúng mức là một trong các nguyên nhân làm cho công nghiệp điện tử Việt Nam mất lợi thế thu hút FDI so với các quốc gia trong khu vực.

Chính phủ chưa có quy hoạch và chính sách phù hợp khuyến khích công nghiệp phụ trợ và nội địa hóa, nên cả các doanh nghiệp cả trong và ngoài nước đều không đầu tư vào công nghiệp phụ trợ. Các doanh nghiệp điện tử Việt Nam hiện tại làm ăn thua lỗ, phải chuyển đổi ngành kinh doanh, hoặc nếu tồn tại lại chủ yếu làm thương mại, dịch vụ, số doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu rất ít - chủ yếu gia công. Đặc biệt là Việt Nam chưa có chính sách hữu hiệu trong thu hút FDI và thúc đẩy sự liên kết doanh nghiệp với các viện, trường vào hoạt động R&D ngành công nghiệp điện tử.

### **5. Một số giải pháp nhằm tăng cường ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với năng lực cạnh tranh của công nghiệp điện tử Việt Nam**

#### **5.1. Tăng cường quản lý nhà nước đối với thu hút và sử dụng FDI vào công nghiệp điện tử**

##### **5.1.1. Hoàn thiện chiến lược thu hút và sử dụng FDI phát triển công nghiệp điện tử**

Chính phủ cần có chiến lược quy hoạch tổng thể phát triển ngành và thu hút FDI vào công nghiệp

điện tử. Chiến lược và quy hoạch đó là tiền đề cho sự phát huy ảnh hưởng tích cực của FDI trong phát triển ngành công nghiệp điện tử. Việc xây dựng chiến lược quy hoạch phải đảm bảo được xây dựng dựa trên những luận cứ khoa học và thực tiễn, cũng như phù hợp với xu thế phát triển của ngành công nghiệp điện tử trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng.

Xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm cần hướng tới khuyến khích các nhà sản xuất thiết bị công nghệ nguồn thực hiện liên kết về thương mại và hoạt động đầu tư sản phẩm, dịch vụ với các doanh nghiệp trong nước. Xây dựng chiến lược phát triển, quy hoạch theo hướng khuyến khích phát triển sản xuất linh kiện điện tử với công nghệ nguồn từ các nhà sản xuất hàng đầu công nghiệp điện tử thế giới.

##### **5.1.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách và tăng cường hoạt động thanh tra kiểm tra**

###### **a. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách**

Chính phủ cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp lý và chính sách về tất cả các mặt đầu tư nước ngoài. Hệ thống chính sách đó cần đạt mục tiêu là tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia sản xuất kinh doanh sản phẩm điện tử. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất những sửa đổi, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân phát triển định hướng của chiến lược phát triển công nghiệp điện tử.

Chú trọng đến những biện pháp nâng cao trình độ vận dụng luật pháp của các cấp chính quyền, thể chế hoá các quy định pháp lý và đầu tư sang hình thức các văn bản qui định có giá trị pháp lý và văn bản hướng dẫn thực hiện, tạo niềm tin cho các doanh nghiệp tư nhân.

Tăng cường hệ thống luật pháp bảo vệ quyền sở hữu công nghệ, tài sản trí tuệ, thương hiệu cho các doanh nghiệp. Tăng cường các giải pháp bảo đảm thực thi pháp luật. Đối với hành vi vi phạm quyền sở hữu thương hiệu, cần thực hiện các biện pháp xử lý hiệu quả như cưỡng chế hành chính và kinh tế đối với những cá nhân và tổ chức vi phạm. Nâng cao nhận thức và năng lực thực thi của các cơ quan bảo vệ luật pháp như hải quan, thuế, quản lý thị trường.

Chính phủ cần chú trọng thực hiện chính sách nhất quán trong khuyến khích thu hút FDI và phát triển doanh nghiệp nội địa, chính sách nhất quán



trong bảo hộ sản xuất trong nước với tạo thuận lợi cho liên kết kinh tế của các doanh nghiệp trên thế giới. Một mặt, thực hiện chính sách kinh tế điều kiện thuận lợi cho liên doanh liên kết với các doanh nghiệp, đặc biệt là các nhà sản xuất sản phẩm điện tử lớn trong khu vực và trên thế giới, nhưng phải phù hợp với các quy định, thông lệ quốc tế mà Việt Nam đã cam kết khi gia nhập WTO và các tổ chức thương mại tự do khác trong khu vực và thế giới.

Mặc dù chúng ta có chính sách nhưng sự thực hiện chính sách còn nhiều bất cập. Vì vậy, cần chú trọng hiện thực các chính sách về khuyến khích doanh nghiệp có vốn FDI và doanh nghiệp trong nước áp dụng công nghệ hiện đại, tự động hóa trong sản xuất điện tử, để lựa chọn, làm chủ công nghệ và từng bước áp dụng các thể hệ công nghệ tiên tiến, làm tiền đề cho sự sáng tạo kỹ thuật, công nghệ, phù hợp với điều kiện kinh tế và trình độ phát triển của công nghiệp điện tử Việt Nam.

#### *b. Nâng cao chất lượng dịch vụ sau đầu tư và tăng cường công tác thanh kiểm tra*

Dịch vụ sau đầu tư là một trong các yếu tố quan trọng góp phần vào quyết định mở rộng đầu tư hoặc chiến lược đầu tư theo chiều sâu của các MNCs. Cần định kỳ tổ chức đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp FDI trong ngành công nghiệp điện tử nói riêng và các doanh nghiệp công nghiệp điện tử nói chung để tìm hiểu yêu cầu, những khó khăn và tìm giải pháp tháo gỡ những khó khăn của doanh nghiệp, tạo niềm tin cho doanh nghiệp đối với chính quyền.

Chính quyền các cấp phối hợp trong quản lý, thanh kiểm tra việc chấp hành chính sách, quy trình quản lý, cung cấp dịch vụ sau đầu tư của các cấp liên quan và sự chấp hành các quy định của các doanh nghiệp FDI. Cần thiết lập kênh thông tin tập hợp ý kiến của các doanh nghiệp để nghe và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Cần rút ngắn tối đa thời gian các cuộc thanh tra, kiểm tra.

Có hình thức thanh kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc cải thiện thủ tục hành chính với các doanh nghiệp, các chủ đầu tư, kịp thời khắc phục các sai sót, xoá bỏ các quy định không phù hợp, đơn giản hoá thủ tục. Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ công chức về trình độ, nhận thức, kỹ năng để đáp ứng nhu cầu hướng dẫn và xử lý nhu cầu của doanh nghiệp.

#### *5.1.3. Xây dựng và hoàn thiện chiến lược, chính sách phát triển nguồn nhân lực*

Nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu về trình độ kỹ

năng được cho là yếu tố quyết định đến sự phát triển và nâng vị thế cạnh tranh của công nghiệp điện tử trên thị trường thế giới. Chiến lược và chính sách phát triển nguồn nhân lực luôn được các quốc gia tiến hành đồng thời với chiến lược phát triển ngành công nghiệp điện tử, cũng như phát triển kinh tế. Hệ thống giáo dục đào tạo, cũng như các chính sách liên quan đến các chủ thể tham gia quá trình này và chính sách liên quan đến sử dụng nhân lực luôn là điểm đặc biệt quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực của các quốc gia.

Đầu tư trang thiết bị đào tạo chuyên ngành cho các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề điện tử, đồng thời với tăng cường quản lý nhà nước đối với các cơ sở đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Xúc tiến các chương trình hợp tác đào tạo, các chương trình nghiên cứu và phát triển giữa các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học Việt Nam và các doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu. Khuyến khích các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu và các đối tác nước ngoài thực hiện các chương trình trao đổi kỹ thuật, trao đổi chương trình nghiên cứu và phát triển về công nghiệp điện tử. Ngành công nghiệp điện tử Việt Nam cần xây dựng và duy trì các mối quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài và trao đổi những tri thức, kinh nghiệm cần thiết một cách thường xuyên.

Xây dựng cơ chế thúc đẩy hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế. Sự liên kết hợp tác trong và ngoài nước tạo điều kiện tranh thủ sự hỗ trợ, chia sẻ thông tin và tri thức, kinh nghiệm, chuyên gia công nghệ trên các lĩnh vực nghiên cứu, quản lý, sản xuất, kinh doanh, đào tạo của các tổ chức quốc tế, các công ty đa quốc gia, các cơ sở nghiên cứu, các trung tâm tư vấn, các chuyên gia, đặc biệt là người Việt Nam ở nước ngoài.

#### *5.2. Thu hút và sử dụng FDI nhằm phát triển công nghiệp phụ trợ*

Phát triển các ngành phụ trợ (vật liệu bán dẫn, sản xuất vi mạch...) có vai trò rất lớn đối với sự phát triển của công nghiệp điện tử. Đối với sản phẩm đòi hỏi công nghệ, kỹ thuật cao như sản xuất vi mạch, chip điện tử... thì vai trò của công nghiệp phụ trợ đóng vai trò quyết định cho sự phát triển. Để phát triển công nghiệp phụ trợ trong tương lai, chúng ta cần tập trung các nội dung sau:

- Chính phủ cần xây dựng chiến lược, chính sách khuyến khích doanh nghiệp FDI liên kết đầu tư công nghiệp phụ trợ với các doanh nghiệp trong nước.

- Xây dựng và thực hiện chính sách ưu tiên thu hút FDI đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp phụ trợ, như những ưu tiên về: hạ tầng, thủ tục hành chính, cung cấp nguồn nhân lực cần thiết. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp phụ trợ.

- Xây dựng chương trình hợp tác với những chuyên gia ở nước ngoài đã đến tuổi nghỉ hưu nhưng còn sức khỏe và mong muốn giúp các nước đang phát triển về kinh nghiệm tích lũy được trong chuyên môn.

### **5.3. Tăng cường thu hút và sử dụng FDI nhằm chuyển dịch cơ cấu sản phẩm sản xuất công nghiệp điện tử**

Việt Nam cũng trong tình trạng chung, cơ cấu sản phẩm của công nghiệp điện tử hình thành với tỉ trọng lớn thuộc về sản phẩm điện tử dân dụng. Sản xuất linh kiện đòi hỏi lượng vốn lớn. Đối với đầu tư vào công đoạn thiết kế và sản xuất linh kiện một dây chuyền sản xuất sản phẩm đòi hỏi tiềm lực tài chính rất lớn, nhưng vòng đời của sản phẩm điện tử rất ngắn. Vì vậy thu hút FDI vào lĩnh vực sản xuất linh kiện, nhất là linh kiện chủ chốt có ý nghĩa quyết định cho sự phát triển vững mạnh của công nghiệp điện tử. Chiến lược thu hút FDI trong những năm tới cụ thể như: Sản xuất phần mềm, nhất là phần mềm nhúng trong các thiết bị phần cứng điện tử viễn thông; sản phẩm mang tính lưỡng dụng phục vụ quốc phòng (điện tử điều khiển tên lửa hành trình, điện tử viễn thông do thám và trong thiết bị bay không người lái).

Để thu hút FDI và phát huy ảnh hưởng của FDI đối với tăng tỉ trọng đầu tư sản xuất linh kiện điện tử, chúng ta cần thực hiện các giải pháp như: (i) Hoàn thiện quản lý nhà nước đối với bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam. Chú trọng cụ thể hóa luật quyền sở hữu trí tuệ để điều chỉnh từng đối tượng như Luật Sáng chế, Luật Sở hữu nhãn hiệu. (ii) Xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất, năng lượng, thông tin và truyền thông đáp ứng yêu cầu sản xuất và thị trường.

### **5.4. Tăng cường thu hút và sử dụng FDI nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước**

Trước hết, quy hoạch và chính sách phát triển công nghiệp điện tử cần nhằm mục tiêu thúc đẩy doanh nghiệp trong nước nâng vị thế cạnh tranh của mình trong chuỗi giá trị toàn cầu. Hơn nữa, chính sách cũng cần đảm bảo cho doanh nghiệp FDI chủ

động hơn trong việc tìm kiếm và liên kết với các doanh nghiệp địa phương.

Tiếp đến, doanh nghiệp trong nước cũng cần có biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm từng bước gia nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu ở các công đoạn có giá trị gia tăng cao. Cụ thể doanh nghiệp trong nước cần chú ý những vấn đề sau:

#### **5.4.1. Đổi mới cơ cấu tổ chức quản lý, nâng cao trình độ quản trị trong các doanh nghiệp**

Doanh nghiệp nên lựa chọn và hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh thích hợp. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong hệ thống tổ chức và có sự phân biệt một cách tương đối về công việc của các bộ phận, loại bỏ những chồng chéo nhằm đảm bảo cho cán bộ quản lý chuyên sâu nghiệp vụ và phối hợp nhịp nhàng hoạt động của các bộ phận trong doanh nghiệp.

Xây dựng chiến lược sản phẩm trên cơ sở khảo sát xu hướng phát triển thị trường công nghiệp điện tử toàn cầu và điều kiện nguồn lực cụ thể của doanh nghiệp. Đồng thời xây dựng mạng lưới thông tin, xác định các quyết định đưa ra một cách chính xác, hiệu quả và đảm bảo thông tin trong nội bộ doanh nghiệp, đây là điều kiện quyết định sự tồn tại của bất cứ một tổ chức nào. Đảm bảo thông tin tất làm cho mọi thành viên hiểu rõ được mục đích của tổ chức.

#### **5.4.2. Nâng cao trình độ công nghệ sản xuất thông qua liên kết kinh tế, đặc biệt với các doanh nghiệp FDI**

Trình độ công nghệ là một trong những nhân tố tạo nên năng lực cạnh tranh của một doanh nghiệp. Đổi mới công nghệ tạo điều kiện cho doanh nghiệp nâng cao năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất. Đổi mới công nghệ cho phép doanh nghiệp tiến tới đầu tư vào các sản phẩm, linh kiện có giá trị gia tăng và chủ chốt trong hệ thống sản xuất toàn cầu về công nghiệp điện tử. Liên kết kinh tế qua các hợp đồng thương mại, hay qua hợp đồng hợp tác, đối tác với các doanh nghiệp khác cho phép các doanh nghiệp liên kết đều tận dụng được lợi thế cạnh tranh, chuyên sâu vào công nghệ có ưu thế nhằm tăng sản lượng, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

Các doanh nghiệp trong nước cần có chiến lược trở thành doanh nghiệp vệ tinh của các doanh nghiệp FDI. Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt hiện nay, chỉ có chiến lược trở thành nhà cung ứng cạnh tranh đối với các đối thủ trong khu vực mới đảm bảo sự liên kết thực chất và hiệu quả cho các doanh

ngành công nghiệp điện tử Việt Nam.

### **5.5.. *Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động thông tin, dự báo thị trường***

Xúc tiến đầu tư là một trong các biện pháp quan trọng nhằm thu hút và sử dụng hiệu quả FDI. Xây dựng một chiến lược xúc tiến đầu tư dài hạn, chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm. Nội dung chương trình xúc tiến đầu tư cần xây dựng một cách chi tiết, cụ thể bao gồm các nội dung: chuẩn bị tài liệu đảm bảo đầy đủ thông tin đa dạng cho nhà đầu tư, rà soát cơ chế, chính sách, làm tốt công tác tuyên truyền quảng bá thông tin, xây dựng hình ảnh, tổ chức hội nghị, hội thảo và làm việc với các đối tác, đào tạo, tập huấn các kỹ năng xúc tiến đầu tư.

Các tổ chức chính quyền liên quan (như các trung tâm về xúc tiến thương mại, đầu tư, việc làm, trợ giúp pháp lý...) cần đẩy mạnh các hoạt động tư vấn và cung cấp thông tin định hướng phục vụ cho chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời cần xây dựng cơ chế phản hồi thông tin với các nhà đầu tư một cách thích hợp.

Đồng thời, thực hiện tốt công tác phản hồi thông tin đầu tư trong và ngoài nước có các nhà đầu tư đến đầu tư đặc biệt nắm bắt các ý kiến của các nhà đầu tư có tiềm năng mạnh về đầu tư. Sử dụng có hiệu quả thành tựu của công nghệ thông tin phục vụ công tác thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp, nhà đầu tư. □

### **Tài liệu tham khảo**

- Nguyễn Đức (2012), *Nhiều dự án FDI lớn đổ vào điện tử*, truy cập lần cuối ngày 14 tháng 3 năm 2014, từ <http://ictpress.vn/Chuyen-dong-nganh/Nhieu-du-an-FDI-lon-do-vao-nganh-dien-tu>
- Bộ Công thương (2012), *Tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2011, kế hoạch năm 2012 và một số định hướng chủ yếu kế hoạch 2011-2015 của ngành Công thương*. Hà Nội.
- Nguyễn Hải (2011), *Công nghiệp điện tử trước nguy cơ phá sản*, truy cập lần cuối ngày 14 tháng 3 năm 2014 từ <http://nld.com.vn/kinh-te/cong-nghiep-dien-tu-truoc-nguy-co-pha-san-20110531103830396.htm>
- Đỗ Thị Kim Hoa (2005), “*Năng lực cạnh tranh và thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam*”, *Tap chí kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương*, số 49 (92), tháng 12, tr. 12-21.
- Trần Thị Thanh Thủy (2007) *Xây dựng các giải pháp, chính sách tổng thể nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho ngành điện tử Việt Nam trong giai đoạn gia nhập WTO*, Bộ công thương, Hà Nội.
- Trần Thủy (2011), *Vấn loay hoay trong “kiếp gia công”*, truy cập lần cuối ngày 14 tháng 3 năm 2014 từ <http://vietnamnet.vn/vn/kinh-te/37593/van-loay-hoay-trong—kiep-gia-cong-.html>

### **Impacts of foreign direct investment on the competitiveness of Vietnamese electronics industry: The problems and solutions**

*Abstract:*

*In recent years, foreign direct investment (FDI) in the electronics industry is one of the factors that influencing Vietnamese E-industry's international position. The research focuses on situational analysis of the FDI impacts on Vietnamese electronics industry's competitiveness. Some unexpected effects of FDI on the competitiveness of the E-industry in Vietnam have been identified, including the limited spill-over effect of FDI in Vietnam; the failure in creating the production shift to high value added goods; the lack of significant changes in products' effectiveness. The article also analyses the causes of these shortcomings and proposes solutions to improve the situation.*

---

### **Thông tin tác giả:**

\* **Đỗ Thị Kim Hoa**, Tiến sỹ

- *Tổ chức tác giả công tác:* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- *Lĩnh vực nghiên cứu chính của tác giả:* Kinh tế chính trị, tài chính quốc tế, lịch sử các học thuyết kinh tế

- *Địa chỉ liên hệ:* Địa chỉ Email: [kimhoa.do.neu@gmail.com](mailto:kimhoa.do.neu@gmail.com)